

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu

2. Ông Phan Văn Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Trần Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Vũ Văn T, sinh năm 1971

2. Bị đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1978

Cùng trú tại: Thôn 3, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình.

Do ông Nguyễn Thanh S – Giám đốc là đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Đăng Th, chức vụ Phó giám đốc (theo văn bản ủy quyền ngày 06/8/2019).

Tại phiên tòa: Anh T có mặt, chị N và ông Th vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 4 năm 2019 và bản tự khai, nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Hà Thị N kết hôn với nhau và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 16/9/1999 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống tại Thôn 3, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Anh xác định những năm đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, do không có sự thống nhất trong cách làm ăn và nuôi dạy con cái. Vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 4/2018 cho đến nay anh và chị N đã ly thân không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị N trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên anh xin ly hôn với chị N để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: anh xác định anh và chị N có 02 con chung là các cháu Vũ Thị Thanh Th sinh ngày 11/01/2000 và cháu Vũ Tùng L sinh ngày 27/11/2007. Hiện nay cháu Th đã trưởng thành tự lập được, đối với cháu L hiện nay đang ở với anh, nguyện vọng của anh xin được tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: anh xác định vợ chồng anh có khoản nợ chung đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn – Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình. Cụ thể: Năm 2018 vợ chồng anh có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn – Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình số tiền 200.000.000 đồng để chăn nuôi. Khoản vay trên được Th chấp bằng quyền sử dụng đất mang tên Vũ Văn T và tài sản gắn liền trên đất tại Thôn 3, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Thời hạn vay là 36 tháng, hạn trả cuối cùng là 27/12/2021. Hiện nay vợ chồng anh chưa thanh toán được gốc và vẫn trả lãi theo hợp đồng. Anh T sẽ có trách nhiệm thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng trong thời gian chưa đến hạn thanh toán hợp đồng. Vì vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Ý kiến của bị đơn chị Hà Thị N thể hiện tại bản tự khai ngày 17/4/2019: Chị thừa nhận quá trình kết hôn và chung sống như anh T trình bày là đúng. Theo chị N nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do không hợp nhau, vì vậy anh chị đã ly thân 2 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T xin ly hôn thì chị cũng đồng ý. Về con chung: chị xác định có 02 con chung là: cháu Vũ Thị Thanh Th sinh ngày 11/01/2000 và cháu Vũ Tùng L sinh ngày 27/11/2007. Cháu Th đã trưởng thành tự lập, còn cháu L đang ở với anh T, chị đồng ý cho anh T tiếp tục nuôi cháu L. Về tài sản chung và công nợ chung: chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn đề nghị gửi Tòa án ngày 10/9/2019 chị công nhận có số nợ chung của anh chị đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông

thôn – Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình như anh T trình bày. Chị đề nghị trong thời gian anh T đang sử dụng nhà và đất thì anh T phải có trách nhiệm với Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 17/4/2019, cháu Nguyễn Tùng L có nguyện vọng xin tiếp tục ở với anh T để đảm bảo cho cuộc sống cũng như việc học hành của cháu được ổn định.

Tại văn bản trả lời Thông báo thụ lý vụ án của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình ngày 01/8/2019, quan điểm của Ngân hàng như sau: Ngày 28/12/2018 giữa Ngân hàng và vợ chồng anh T - chị N có ký Hợp đồng tín dụng số 3311-LAV-201801503, theo đó anh T và chị N đã vay 200.000.000đồng để chăn nuôi và Th chấp nhà và quyền sử dụng đất tại Thôn 3, xã P, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Văn T. Tính đến ngày 01/8/2019, gia đình anh T còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình số tiền gốc là 200.000.000 đồng và lãi đã trả đến 31/7/2019. Do số nợ trên chưa đến hạn thanh toán, mặt khác anh T đề nghị Ngân hàng chấp thuận cho anh được đứng lên là người thanh toán khoản nợ trên nên Ngân hàng đồng ý để anh T là người có trách nhiệm và nghĩa vụ với khoản nợ trên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo đơn khởi kiện của anh Vũ Văn T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Do chị N đi làm ăn xa không tham gia các phiên họp và phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Tại biên bản xác minh ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện N với ủy ban nhân dân xã P thì Ủy ban xã xác định: Mâu thuẫn giữa anh T và chị N là có thật và đã xảy ra từ lâu, hiện chị N và anh T đã ly thân. Anh chị có 02 con chung, cháu Th đã trưởng thành tự lập được, cháu L đang ở với anh T. Anh chị có nhà và đất tại Thôn 3, xã P, về nợ chung: anh chị hiện đang nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình vay bằng hình thức Th chấp nhà và quyền sử dụng đất. Tuy nhiên anh chị không yêu cầu giải quyết và số nợ trên chưa đến hạn thanh toán nên Ủy ban không có ý kiến.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị N và xin nuôi con chung là cháu Vũ Tùng L.

Tại đơn xin xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại đơn gửi về cho Tòa án qua đường bưu điện ngày 10/9/2019 chị N có ý kiến: không tranh chấp quyền nuôi con với anh T, chị yêu cầu trong khi chưa giải quyết về tài sản và công nợ chung thì anh T là người đang quản lý và sử dụng tài sản chung nên anh T phải có trách nhiệm với khoản nợ của ngân hàng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

\*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

\*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã có đơn xin xử vắng mặt.

#### **Đề nghị HĐXX:**

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 điều 27 và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn T. Xử lý hôn giữa anh Vũ Văn T và anh Hà Thị N.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Vũ Tùng L, sinh ngày 27/11/2007, hiện cháu L đang ở với anh T cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

3. *Về án phí ly hôn*: Anh Vũ Văn T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

##### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn là chị Hà Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đơn xin vắng mặt. Vì vậy theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống không hòa hợp, không thống nhất được cách làm ăn và nuôi dạy con cái dẫn đến mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Thực tế hai bên đã ly thân hai năm nay chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị N là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị N xác định có 02 con chung là các cháu: Vũ Thị Thanh Th sinh ngày 11/01/2000 và cháu Vũ Tùng L sinh ngày 27/11/2007. Hiện nay cháu Th đã trưởng thành tự lập được nên không đặt ra việc xem xét giải quyết. Đối với cháu L hiện nay đang ở với anh T, nguyện vọng của anh T xin tiếp tục được nuôi cháu. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T có sức khỏe, có thu nhập đủ đảm bảo nuôi dạy cháu L, ý kiến của cháu L cũng xin tiếp tục ở với anh T. Bản thân chị N cũng đồng ý với nguyện vọng của anh T và cháu L. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu L cho anh T nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các bên và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không có yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị N xác định có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại Thôn 3, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình nhưng các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với số nợ chung của anh T và chị N với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam- chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình: Do khoản nợ chưa đến hạn, mặt khác các bên đương sự thống nhất anh T sẽ có trách nhiệm thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng trong thời gian chưa đến hạn

thanh toán hợp đồng, vì vậy không đặt ra việc xem xét giải quyết. Nếu khi đến hạn thanh toán mà chị N và anh T vi phạm nghĩa vụ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam- chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của anh Vũ Văn T. Xử lý hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Hà Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Tùng L, sinh ngày 27/11/2007, hiện đang ở cùng anh T cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Văn T phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000099 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh khu vực Rịa Ninh Bình được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hương Quỳnh**

